

VẬN DỤNG THUYẾT ĐA TRÍ TUỆ TRONG DẠY HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

TS. TRẦN ĐÌNH CHÂU* - TS. ĐẶNG THỊ THU THỦY**

Theo Luật Giáo dục (GD), mục tiêu của GD phổ thông là giúp học sinh (HS) phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho HS tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, GD ở phổ thông nước ta hiện nay vẫn quá chú trọng dạy chữ, nặng tính hàn lâm, nhà trường đang tập trung nhiều về dạy ngôn ngữ, suy luận logic, ít chú trọng đến các phương pháp, hình thức dạy học (DH) sao cho phát huy được trí thông minh đa dạng ở mỗi HS về giao tiếp, vận động, âm nhạc,...

1. Theo Howard Gardner, trí thông minh (intelligence) là khả năng giải quyết các vấn đề hoặc tạo ra các sản phẩm mà các giải pháp hay sản phẩm này có giá trị trong một hay nhiều môi trường văn hóa và trí thông minh cũng không thể chỉ được đo lường duy nhất qua chỉ số IQ. Ông phản đối khái niệm "trí thông minh" mà ta có thể đo lường một cách khách quan và quy thành một chỉ số gọi là "chỉ số thông minh IQ". Ông cho rằng, nền văn hóa Việt Nam đã định nghĩa trí thông minh một cách quá đơn giản theo nghĩa hẹp.

Thuyết đa trí tuệ của Gardner (Theory of Multiple Intelligences) cho rằng, mỗi người trong chúng ta đều tồn tại một vài kiểu thông minh trong số 8 loại hình sau: ngôn ngữ, logic/toán học, âm nhạc, không gian, hình thể - động năng, giao tiếp, nội tâm, tự nhiên học. Tuy nhiên, ứng với mỗi cá nhân sẽ có những loại trí thông minh vượt trội hơn các trí thông minh còn lại. Bên cạnh đó, Gardner đã chỉ ra rằng các nhà trường truyền thống thường chỉ đánh giá một HS thông qua hai loại trí thông minh là trí thông minh về ngôn ngữ và trí thông minh về logic/toán học, và điều này là không chính xác. Trường học đã gần như bỏ rơi những HS có thiên hướng học tập thông qua âm nhạc, vận động, thị giác, giao tiếp,.... đồng thời đã dẫn dắt tất cả mọi HS đi theo cùng một con đường và cùng chịu chung một sự đánh giá. Nhiều HS đã có thể học tập tốt hơn nếu các em được tiếp thu kiến thức bằng chính thể mạnh của bản thân các em đó.

Nhiều nhà Tâm lý học, nhà GD đã thử ứng dụng lý thuyết này vào quá trình nghiên cứu của mình. Trong số đó, Thomas Armstrong đã ứng dụng thành công một phần thuyết đa trí tuệ của H. Gardner vào việc giảng dạy và GD. Ông đã công bố một số cuốn sách nổi tiếng như: **7 loại hình trí thông minh, Bạn thông minh hơn bạn nghĩ, Đa trí tuệ trong lớp học,...** Các cuốn sách này chủ yếu viết về vấn đề GD và hướng dẫn cha mẹ GD con cái, giúp giáo viên (GV) DH theo các phương pháp nhằm phát huy năng lực trí tuệ nổi trội của con em mình.

Thuyết đa trí tuệ của Gardner đã được nhiều nhà GD ứng dụng rộng rãi vào quá trình DH, giúp phụ huynh HS, GV thấy được thế mạnh của từng loại năng lực trí tuệ trong từng cá nhân HS, để không đòi hỏi cái mà cá nhân đó không thể có, và giúp HS dưới tác động của GD có thể phát huy tối đa năng lực trí tuệ nổi trội của mình.

Đối với GV, cần hiểu rõ về 8 năng lực trí tuệ, biết vận dụng đa trí tuệ trong việc lập kế hoạch DH, soạn giáo án, vận dụng trong đổi mới PPDH, vận dụng vào các hoạt động ngoại khóa, công tác chủ nhiệm, đánh giá HS, đổi mới hình thức tổ chức DH,...

Để vận dụng thuyết này vào DH một cách hiệu quả, GV cần: đánh giá được các dạng năng lực trí tuệ trong mỗi HS; linh hoạt thay đổi phương pháp, hình thức tổ chức DH cho phù hợp đối tượng HS để phát huy được trí thông minh đa dạng của họ.

2. Về đánh giá các dạng năng lực trí tuệ ở HS

Theo Thomas Armstrong, chẳng có một "đại trắc nghiệm" nào để lập một bảng kê đầy đủ về các dạng trí tuệ ở HS, các trắc nghiệm chuẩn hóa có thể cho ta biết một số biểu lộ của từng loại trí tuệ, trắc nghiệm là một kênh thông tin để tham khảo. Theo ông, *công cụ tốt nhất để đánh giá các trí tuệ ở HS có lẽ là công cụ mà ai cũng có sẵn, đó là: kỹ năng quan sát đơn thuần.*

Quan sát dựa theo sự mô tả 8 dạng trí tuệ lúc các em học, lúc các em chơi. Chẳng hạn, quan sát xem mỗi HS thích học môn nào, khi nào HS đó hào hứng (học cá nhân hay học nhóm,...). Trong lớp, em nào

* Bộ Giáo dục và Đào tạo

** Viện Khoa học giáo dục Việt Nam

thích phát biểu, thích học nhóm, em nào thích ngồi yên tĩnh, hay nói chuyện riêng, thích ghi bài, thích vẽ, thích đọc loại truyện gì,... Khi các em chơi, tìm hiểu sở thích của mỗi em về trò chơi, hình thức chơi,...

Để theo dõi các dạng trí tuệ của HS, có thể dựa vào một số mô tả sau:

1) **Trí tuệ ngôn ngữ:** Viết lách tốt hơn HS cùng lứa tuổi; kể chuyện lưu loát; thích trò chơi chữ; thích đọc sách; thích nghe qua âm thanh (kể chuyện, băng ghi âm chuyện, như kể chuyện đêm khuya); biết nhiều từ so với lứa tuổi; giao tiếp tốt với mọi người xung quanh bằng lời,...

2) **Trí tuệ logic - toán học:** Hay hỏi các đồ vật hoạt động như thế nào; thích thú với các con số; thích học Toán và các môn khoa học tự nhiên; thích đánh cờ hoặc các trò chơi đòi hỏi suy nghĩ; thích các trò đố chữ; thích xếp đặt đồ vật thành thứ, loại, trật tự; thích làm thí nghiệm, quan tâm khoa học tự nhiên,...

3) **Trí tuệ không gian:** Đọc bản đồ, biểu đồ và các sơ đồ dễ dàng hơn đọc từ ngữ; thích vẽ, vẽ khá; biết thưởng thức các hoạt động nghệ thuật; thích xem phim, hình đèn chiếu và các sản phẩm nhìn khác; thích giải các trò đố hình, xếp hình, khi đọc sách, thường hiểu và nhớ được nhiều hình hơn lời,...

4) **Trí tuệ hình thể - động năng:** Hay ngộ nguậy, cử động luôn tay, luôn chân, thích chạy nhảy, đấm đá lung tung; khéo tay khi làm thủ công; chơi tốt một hoặc nhiều môn thể thao; nhại lại một cách khá đạt các động tác của người khác, thích tháo gỡ rồi lắp ghép các đồ vật,...

5) **Trí tuệ âm nhạc:** Có giọng hát tốt; nhớ được giai điệu các bài hát; chơi được một số nhạc cụ; có thể nói hoặc cử động theo nhịp điệu; hay hát khe khẽ một mình một cách vô ý thức; hay gõ nhịp trên bàn hay ghế khi làm việc, học tập,...

6) **Trí tuệ giao tiếp:** Thích giao tiếp, thích chơi với bạn; có hai, ba bạn thân; quan tâm chăm sóc đến người khác; thường là đầu trò của nhóm; hay khuyến bảo các bạn có vấn đề; khôn ngoan hơn khi ra đường; thường được người khác tìm đến hỏi ý kiến,...

7) **Trí tuệ nội tâm:** Biểu lộ ý thức độc lập hoặc cá tính mạnh; rất tự trọng; biết điểm mạnh, yếu của bản thân; có ý thức tự lập; thích làm việc một mình; ít chia sẻ với người khác; biết rút ra bài học tốt từ thành công hay thất bại của mình,...

8) **Trí tuệ tự nhiên học:** biểu lộ cảm xúc với các đối tượng thiên nhiên; thích đi dã ngoại; phấn khích khi học đến sinh thái học, thiên nhiên, cây cỏ; thường nói nhiều về con vật cưng hay địa danh yêu thích trong tự nhiên; thích la cà xung quanh chuồng vật nuôi, bể

nuôi cá; thích sưu tầm các mẫu vật thiên nhiên; quan tâm đến quyền lợi của loài vật, bảo tồn môi trường;... Đối với người sống ở đô thị, đó còn là năng khiếu phân biệt giữa các vật bất động, vô tri như xe cộ, đĩa CD,...

Dựa vào những dấu hiệu trên để quan sát và trắc nghiệm HS, qua đó có thể phát hiện thiên hướng 8 năng lực trí tuệ của HS. Ngoài ra, cần tham khảo thêm các thông tin từ bảng điểm các năm trước của HS để biết HS có thiên hướng học tốt các môn nào, thông tin từ GV dạy các lớp trước, từ GV dạy các bộ môn khác, từ cha mẹ HS, từ các HS cùng lớp,...

Câu hỏi đặt ra là: "Trí thông minh có phát triển được thông qua đào tạo, qua GD không?", câu trả lời là "có". Mỗi loại trí thông minh trên sẽ được phát huy tốt với các chương trình đào tạo, huấn luyện tư duy phù hợp. Theo Tony Buzan, chuyên gia nghiên cứu về trí não, về trí nhớ, nhà tư vấn tư duy hàng đầu thế giới, thấy rằng đứa trẻ nào cũng có tiềm năng của Leonardo da Vinci và Albert Einstein. Các nghiên cứu của Buzan cho thấy trí thông minh được phát huy hết công năng khi mỗi người được nuôi dưỡng trong môi trường tốt, được khuyến khích, động viên và GD đúng phương pháp. Với bộ công cụ sơ đồ tư duy hay còn gọi là bản đồ tư duy, sơ đồ trí não (Mindmap), Tony Buzan đã đưa ra những hướng dẫn về học phương pháp học, học cách xử lý thông tin, và học tư duy có phương pháp để rèn luyện và nâng cao năng lực tư duy, từ đó khai phá năng lực tiềm ẩn vô cùng to lớn của bộ não của mỗi người, tạo nên sự đột phá sáng tạo trong học tập và công việc.

3. Vận dụng thuyết đa trí tuệ trong DH

GV cần coi trọng sự đa dạng về trí tuệ ở mỗi HS: mỗi loại trí tuệ đều quan trọng và mỗi HS đều có ít nhiều khả năng theo nhiều khuynh hướng khác nhau. Nhà trường, thầy cô giáo, cha mẹ HS phải là nơi giúp đỡ, khơi gợi tiềm năng, tạo điều kiện học tập theo các hướng khác nhau cho các chủ nhân tương lai của xã hội.

Thuyết đa trí tuệ giúp GV cách suy ngẫm, chọn lựa phương pháp DH sao cho hay nhất và phù hợp nhất với bản thân họ và họ hiểu thấu đáo vì sao phương pháp đó là hiệu quả hoặc chỉ hiệu quả với HS này mà không hiệu quả với HS kia. Thuyết này cũng giúp GV áp dụng linh hoạt hơn các PPDH và kĩ năng sử dụng các tài liệu, các thiết bị DH đa dạng hơn, phong phú hơn, hiệu quả hơn. GV trong lớp học đa trí tuệ khác với trong lớp học truyền thống ngôn ngữ hoặc logic-toán học. Trong lớp học đa trí tuệ, GV phải linh hoạt thay đổi phương pháp và khéo léo chuyển từ lối dạy ngôn ngữ sang lối dạy không gian rồi lối dạy âm nhạc hay vận động, giao tiếp,...

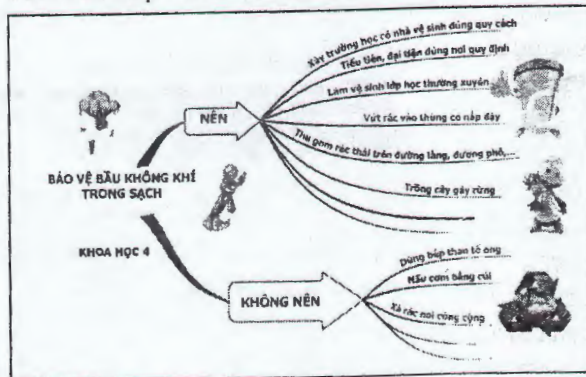
Ví dụ, để DH bài “Bảo vệ bầu không khí trong sạch” (Khoa học 4), GV có thể cho các em: kể chuyện, đọc những câu thơ liên quan đến chủ đề bài học (trí tuệ ngôn ngữ); thi vẽ tranh, phác họa những hình ảnh liên quan đến bảo vệ bầu không khí (trí tuệ không gian, trí tuệ tự nhiên học); thuyết trình về những bức tranh vừa vẽ (trí tuệ giao tiếp, vận động); hát bài hát hoặc sáng tác bài hát, điệu múa,... liên quan đến chủ đề bảo vệ môi trường (trí tuệ âm nhạc).

Qua nghiên cứu và thực nghiệm, có thể thấy, việc tổ chức DH bằng bản đồ tư duy tạo ra môi trường học tập đa trí tuệ. Phương pháp DH bản đồ tư duy huy động nhiều trí thông minh ở HS, nâng cao hiệu quả DH, góp phần phát triển toàn diện cho HS. Theo đó, tổ chức DH bằng bản đồ tư duy:

- 1) Mở đầu bài học, GV cho HS nghiên cứu tài liệu, đọc thầm SGK (phát huy trí tuệ nội tâm, ngôn ngữ).
- 2) HS thảo luận nhóm, lớp về nội dung, dưới sự dẫn dắt, gợi ý của GV (phát huy trí tuệ giao tiếp).
- 3) HS thiết lập bản đồ tư duy về bài học (phát huy trí tuệ ngôn ngữ, logic, không gian) vì bản đồ tư duy là sự kết hợp cả đường nét, màu sắc, chữ viết và có thể vẽ thêm các hình ảnh liên tưởng trong thực tế cuộc sống, trong thiên nhiên vào bản đồ tư duy (trí tuệ tự nhiên học).

4) HS thuyết trình về bản đồ tư duy trước nhóm, lớp. Việc thuyết trình cần cả ngữ điệu, âm điệu, điệu bộ cơ thể (phát huy trí tuệ giao tiếp, hình thể động năng, âm nhạc).

Ví dụ, tổ chức DH bài *Bảo vệ bầu không khí trong sạch* (Khoa học 4) bằng bản đồ tư duy. GV tổ chức cho HS: 1. Nghiên cứu tài liệu, sách giáo khoa; 2. thảo luận nhóm, tổ; 3. HS lập bản đồ tư duy; 4. HS thuyết trình trước lớp về bản đồ tư duy.



Bản đồ tư duy về *Bảo vệ bầu không khí trong sạch* gồm 2 nhánh: nhánh Nên (màu xanh), Không nên (màu đỏ) trình bày nội dung bài học một cách đầy đủ, chi tiết, logic, mạch lạc, hình thức đẹp,...

Hiểu rõ về thuyết đa trí tuệ: giúp nhà trường, tạo

ra môi trường, điều kiện giảng dạy, học tập, vui chơi đa trí tuệ, đa phương tiện; Giúp GV biết phát huy những thế mạnh của riêng mình, tìm ra phương pháp DH tối ưu nhất cho từng bài học và từng đối tượng HS, biết khơi dậy, phát huy tiềm năng về trí thông minh đa dạng ở HS; Giúp cha mẹ HS đánh thức, khơi dậy và tạo điều kiện, môi trường tốt phát triển trí thông minh ở con em mình; giúp các em HS tự tin hơn trong học tập. Làm được điều đó, chúng ta sẽ giúp mỗi HS phát huy tối đa năng lực tư duy nổi trội của mình, tỏa sáng và thành công hơn trong học tập cũng như trong cuộc sống. □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Đình Châu - Đặng Thị Thu Thủy. *Dạy tốt, học tốt các môn học bằng bản đồ tư duy*. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2011.
2. Howard Gardner. *Cơ cấu trí khôn*. NXB Giáo dục, H. 1997.
3. Thomas Armstrong. *Đa trí tuệ trong lớp học*. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2011.
4. Thomas Armstrong. *Bạn thông minh hơn bạn nghĩ*. NXB Lao động - Xã hội, H. 2011.
5. Tony Buzan. *The Memory Book*. Published by BBC Active, 2010.

SUMMARY

The article presents main ideas about the theory of multiple intelligence by Howard Gardner and how to use it to innovate teaching methods in secondary schools and encourage diverse intelligences in students, thus improving the effectiveness of a comprehensive education.

Các yếu tố trong gia đình...

(Tiếp theo trang 22)

3. Nguyễn Thị Mỹ Lộc. “Về tính tự lực của trẻ em trước tuổi đi học”. Tạp chí *Nghiên cứu giáo dục*, số 11/1989.
4. Nguyễn Thị Ánh Tuyết. *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học sư phạm, H. 1994.

SUMMARY

Self-stabilization is a quality of personality, being formed during operation, and have great significance for human development. It impacts essentially on the development of preschoolers' personality. The family has a large influence on developing a child's self-reliance, besides we can regard other factors such as their parents' education level, financial conditions of the family, parents' time for their children, parents' consolidation in the view point of educating their children and other factors.